

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 313/2026/HNGĐ-ST

Ngày 24/7/2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Mỹ
- Bà Huỳnh Thùy Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh ngày 24/4/1978; Căn cước công dân số: 052178000809; địa chỉ: Khu phố A, phường B, tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai). (Đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh V, sinh ngày 01/02/1979; Căn cước công dân số: 051079004008; địa chỉ: Khu phố A, phường B, tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Nguyễn Thanh V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2007 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q

Nhon Nam, tỉnh Gia Lai). Trong thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng sống bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Nay thấy hôn nhân không hạnh phúc nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông V.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Thùy L, sinh ngày 31/5/2011 và Nguyễn Hoàng Khánh V1, sinh ngày 21/01/2013. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con, mỗi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Không có.

+ *Bị đơn ông Nguyễn Thanh V*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án, yêu cầu ông Nguyễn Thanh V có mặt tại Tòa để làm việc nhưng ông V vẫn vắng mặt, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai phát biểu ý kiến*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. **Vụ án đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo qui định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.** Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà H, bà H được ly hôn ông V. Giao hai con cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con 6.000.000 đồng/tháng. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí, được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí đã nộp. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Ánh H yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung với ông Nguyễn Thanh V. Bị đơn ông Nguyễn Thanh V có hộ khẩu thường trú tại khu phố A, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông V.

[1.3] Theo Xác nhận về thông tin cư trú ngày 16/10/2025 của Công an phường B, tỉnh Gia Lai thì ông V có hộ khẩu thường trú tại: Khu phố E (nay là

khu phố A), phường B, tỉnh Gia Lai. Tòa án đã cùng chính quyền địa phương đến tại nhà để tổng đạt trực tiếp nhưng ông V thường xuyên vắng mặt không có nhà, không biết đang ở đâu và không rõ khi nào trở về. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, ông V không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không đến làm việc theo giấy triệu tập, thông báo, giấy báo của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của ông V liên quan đến yêu cầu của bà H được. Ông V không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Nguyễn Thanh V tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai) vào ngày 24/12/2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 203, quyển số 01. Căn cứ vào Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của bà H và ông V là hợp pháp. Từ khi bà H nộp đơn yêu cầu ly hôn đến nay, bà H và ông V không còn sống chung với nhau, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, bà H cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà H và ông V đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H yêu cầu ly hôn ông V là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1] Về yêu cầu nuôi con chung: Bà H và ông V có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Thùy L, sinh ngày 31/5/2011 và Nguyễn Hoàng Khánh V1, sinh ngày 21/01/2013, hiện đang do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định. Cháu L và cháu V1 đều có nguyện vọng muốn ở với bà H. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt, môi trường sống ổn định cho các cháu nên giao cháu L và cháu V1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V có các quyền và nghĩa vụ đối với con theo quy định của pháp luật.

[2.2.2] Về cấp dưỡng cho con: Theo tài liệu về việc chuyển tiền mà bà H cung cấp thì từ tháng 02/2026 đến tháng 6/2026, ông V tự nguyện hàng tháng chuyển vào tài khoản của bà H số tiền 6.000.000 đồng cấp dưỡng cho hai con. Như vậy, ông V có công việc, thu nhập ổn định, mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/con mà bà H yêu cầu phù hợp với điều kiện, thu nhập thực tế của ông V. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà H buộc ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông V phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh H. Bà Nguyễn Thị Ánh H được ly hôn ông Nguyễn Thanh V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Thùy L, sinh ngày 31/5/2011 và cháu Nguyễn Hoàng Khánh V1, sinh ngày 21/01/2013 cho bà Nguyễn Thị Ánh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L, cháu V1 đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng cho con: Buộc ông Nguyễn Thanh V phải cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Hoàng Thùy L, sinh ngày 31/5/2011 và cháu Nguyễn Hoàng Khánh V1, sinh ngày 21/01/2013 mỗi cháu mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu L, cháu V1 đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/8/2026.

4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo qui định của pháp luật.

5. Về tài sản: Không có yêu cầu.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000329 ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, bà H đã nộp xong.

- Ông Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

8.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Gia Lai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng